

TRƯỜNG THCS HOÀNG HOA THÁM

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KỲ II - LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ 8

Năm học 2025 - 2026

A. PHÂN MÔN LỊCH SỬ

I. Nội dung ôn tập

- Bài 19. Việt Nam nửa đầu thế kỉ XIX.
- Bài 20. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Việt Nam.
- Bài 21. Phong trào chống Pháp của nhân dân Việt Nam trong những năm cuối thế kỉ XIX.

II. Câu hỏi tham khảo

1. Trắc nghiệm

Câu 1. Người thành lập nhà Nguyễn là

- A. Nguyễn Phúc Ánh. B. Nguyễn Phúc Đảm.
C. Nguyễn Phúc Miên Tông. D. Nguyễn Phúc Vĩnh Thụy.

Câu 2. Năm 1804, vua Gia Long đổi tên nước ta thành

- A. Việt Nam B. Đại Ngu. C. Đại Nam. D. Đại Việt.

Câu 3. Thời Gia Long, ban hành bộ luật là

- A. Luật Hình thư B. Luật Hồng Đức. C. Quốc triều Hình luật. D. Hoàng Việt luật lệ.

Câu 4. Nhà Nguyễn hạn chế hoạt động đối với

- A. Thiên Chúa giáo. B. Phật giáo. C. Hồi giáo. D. Đạo giáo.

Câu 5. Người biên soạn tác phẩm Lịch triều hiến chương loại chí là

- A. Trịnh Hoài Đức. B. Phan Huy Chú. C. Phan Huy Ích. D. Nguyễn Du.

Câu 6. Vua Gia Long đã chia đất nước thành

- A. ba vùng: Bắc thành, Gia Định thành và bảy trấn bốn doanh.
B. hai miền: miền Bắc và miền Nam.
C. ba miền: miền Bắc, miền Trung và miền Nam.
D. ba trấn: Bắc Bộ, Trung Bộ và Nam Bộ.

Câu 7. Vị vua Nguyễn đã quyết định chia đất nước thành các đơn vị hành chính tỉnh là

- A. Minh Mạng. B. Gia Long. C. Thiệu Trị. D. Tự Đức.

Câu 8. Chính sách nông nghiệp thời Nguyễn là chính sách

- A. doanh điền. B. hạn điền. C. lộc điền. D. ngụ binh ư nông.

Câu 9. Nhà Nguyễn xem tôn giáo nào dưới đây là vị trí độc tôn?

- A. Nho giáo. B. Khổng giáo. C. Phật giáo. D. Thiên chúa giáo.

Câu 10. Xã hội Việt Nam nửa đầu thế kỉ XIX có các giai cấp cơ bản là

- A. địa chủ và nông dân. B. nông dân và thợ thủ công.
C. công nhân và nông dân. D. công nhân và thợ thủ công.

Câu 11. Điểm nổi bật của chế độ phong kiến Việt Nam giữa thế kỉ XIX là

- A. có những biểu hiện khủng hoảng, suy yếu nghiêm trọng.
B. chế độ quân chủ chuyên chế đang được hình thành.
C. đạt được những tiến bộ nhất định về kinh tế, văn hóa.
D. chế độ quân chủ chuyên chế đang trong thời kì thịnh trị.

- Câu 12.** Đến thế kỉ XIX, ở nước ta đã xuất hiện nghề thủ công mới là
- A. In tranh dân gian. B. Làm tranh sơn mài.
C. Làm đường trắng. D. Khai mỏ.
- Câu 13.** Lực lượng nào dưới đây tham gia cuộc đấu tranh chống Pháp ở Đà Nẵng vào tháng 9-1858?
- A. Nhân dân cùng với quân đội triều đình.
B. Quân chủ lực của triều đình Huế.
C. Lực lượng nông dân và công nhân thành phố Đà Nẵng.
D. Đông đảo nhân dân thành phố Đà Nẵng.
- Câu 14.** Người đứng lên khởi nghĩa chống Pháp, lập căn cứ ở Gò Công là
- A. Nguyễn Trung Trực. B. Nguyễn Hữu Huân. C. Trương Định. D. Võ Duy Dương.
- Câu 15.** Người lãnh đạo quan quân triều đình chống lại cuộc tấn công thành Hà Nội lần thứ hai (1882) của quân Pháp là
- A. Nguyễn Tri Phương. B. Lưu Vĩnh Phúc. C. Hoàng Tá Viêm. D. Hoàng Diệu.
- Câu 16.** Pháp đã lợi dụng việc làm nào dưới đây để lấy cớ xâm lược Việt Nam?
- A. Nhà Nguyễn cấm truyền bá đạo Thiên Chúa.
B. Nhà Nguyễn cấm trao đổi hàng hóa với nước ngoài.
C. Nhà Nguyễn cấm Pháp đầu tư kinh doanh tại Việt Nam.
D. Nhà Nguyễn cấm buôn bán vũ khí với nước ngoài.
- Câu 17.** Năm 1867, ở Nam Kỳ, thực dân Pháp đã chiếm ba tỉnh nào dưới đây?
- A. Vĩnh Long, Đồng Nai, Biên Hòa. B. Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên.
C. An Giang, Trà Vinh, Sóc Trăng. D. Tiền Giang, Long An, Hà Tiên.
- Câu 18.** Theo Hiệp ước Nhâm Tuất, nhà Nguyễn thừa nhận cho Pháp chiếm các tỉnh
- A. Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên. B. Đồng Nai, Biên Hòa và Gia Định.
C. Vĩnh Long, Đồng Nai và Biên Hòa. D. Gia Định, Định Tường và Biên Hòa.
- Câu 19.** Người đã phát cao ngọn cờ “Bình Tây Đại nguyên soái” trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược cuối thế kỉ XIX là
- A. Trương Định. B. Hoàng Diệu. C. Nguyễn Tri Phương. D. Phan Thanh Giản.
- Câu 20.** Nhiều người đã dùng thơ văn để chiến đấu chống giặc là
- A. Nguyễn Đình Chiểu, Phan Văn Trị. B. Nguyễn Đình Chiểu, Trương Quyền.
C. Nguyễn Đình Chiểu, Phan Liêm. D. Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Trung Trực.
- Câu 21.** Chiến thắng Cầu Giấy lần thứ hai đã chứng tỏ
- A. lòng yêu nước và quyết tâm bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta.
B. tinh thần đoàn kết giữa triều đình và nhân dân trong kháng chiến.
C. lối đánh giặc tài tình của nhân dân ta.
D. sự phối hợp nhịp nhàng, đồng bộ của quân và dân ta.
- Câu 22.** Người đứng đầu phái chủ chiến chủ trương chống Pháp trong triều đình Huế là
- A. Phan Thanh Giản. B. Vua Hàm Nghi. C. Tôn Thất Thuyết. D. Nguyễn Văn Tường.
- Câu 23.** Cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy (1883 – 1892), do ai lãnh đạo?
- A. Nguyễn Thiện Thuật. B. Đinh Công Tráng.
C. Phan Đình Phùng. D. Hoàng Hoa Thám.

- Câu 24.** Cuộc khởi nghĩa Ba Đình (1886 – 1887) đặt dưới sự lãnh đạo của
 A. Nguyễn Thiện Thuật, Đinh Gia Quế. B. Phạm Bành, Đinh Công Tráng.
 C. Tống Duy Tân, Trần Xuân Soạn. D. Phạm Bành, Cầm Bá Thước.
- Câu 25.** Cuộc khởi nghĩa Hương Khê (1885 – 1896) đặt dưới sự lãnh đạo của
 A. Tống Duy Tân và Cao Thắng. B. Phan Đình Phùng và Hoàng Hoa Thám.
 C. Cao Điền và Tống Duy Tân. D. Phan Đình Phùng và Cao Thắng.
- Câu 26.** Nội dung chủ yếu của dụ Cần vương là
 A. kêu gọi văn thân, sĩ phu và nhân dân cả nước vì vua mà đứng lên kháng chiến.
 B. kêu gọi nhân dân đứng lên kháng chiến dưới sự chỉ đạo của triều đình.
 C. kêu gọi tiến hành cải cách về chính trị, xã hội.
 D. tố cáo tội ác xâm lược của thực dân Pháp.
- Câu 27.** Nông dân Yên Thế đứng lên chống Pháp nhằm
 A. chống lại chính sách cướp bóc, bình định của thực dân Pháp, bảo vệ cuộc sống.
 B. hưởng ứng chiếu Cần vương của vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết.
 C. phản ứng trước hành động đầu hàng thực dân Pháp của triều đình.
 D. chống lại công cuộc đánh chiếm Bắc Kỳ của thực dân Pháp.
- Câu 28.** Các cuộc khởi nghĩa trong phong trào Cần Vương cuối thế kỉ XIX đều thất bại là do
 A. nổ ra lẻ tẻ, thiếu liên kết và mang tính chất địa phương.
 B. triều đình phong kiến đầu hàng thực dân Pháp.
 C. không có sự đoàn kết của nhân dân.
 D. thiếu sự chuẩn bị về lực lượng và tổ chức.
- Câu 29.** Đánh giá nào sau đây là đúng khi nói về phong trào Cần vương?
 A. Là phong trào yêu nước theo khuynh hướng và ý thức hệ phong kiến.
 B. Là phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản.
 C. Là phong trào yêu nước theo khuynh hướng vô sản.
 D. Là phong trào yêu nước của tầng lớp nông dân.
- Câu 30.** Khởi nghĩa Yên Thế có điểm gì khác biệt dưới đây so với các cuộc khởi nghĩa trong phong trào Cần vương?
 A. Là phong trào nông dân chống Pháp, không thuộc phạm trù phong trào Cần vương.
 B. Hưởng ứng chiếu Cần vương của vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết.
 C. Chống thực dân Pháp, chống triều đình, giành chính quyền về tay nhân dân.
 D. Là phản ứng của nhân dân trước hành động đầu hàng thực dân Pháp của triều đình.

2. Tự luận:

Câu 1. Em hãy mô tả quá trình thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của nhà Nguyễn.

- Nhà Nguyễn tiếp tục quản lí và khai thác vùng quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa mà trước đó chúa Nguyễn và nhà Tây Sơn đã thực hiện.
- Năm 1803, Hải đội Hoàng Sa được tái lập trở lại.
- Năm 1816, vua Gia Long lệnh cho thủy quân và đội Hoàng Sa đi thuyền ra Hoàng Sa để xem xét và đo đạc thủy trình, tái xác nhận chủ quyền Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa mà không có bất cứ sự tranh chấp nào.

- Từ thời vua Minh Mạng, việc thực thi chủ quyền trên biển do vua trực tiếp kiểm tra giám sát.
- Vua Minh Mạng cho khắc những vùng biển, cửa biển quan trọng của đất nước trên Cửu đỉnh, xác định vị trí quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa trong Đại Nam nhất thống toàn đồ.

Câu 2. Trình bày những thành tựu văn hoá của nhân dân ta dưới thời Nguyễn. Những thành tựu nào được UNESCO công nhận là di sản văn hoá thế giới?

* Dưới thời Nguyễn, nhân dân Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu lớn trên các lĩnh vực văn hóa giáo dục, nghệ thuật, khoa học.

- Giáo dục:

- + Năm 1803, vua Gia Long cho mở Đốc học đường
- + Từ năm 1807, nhà Nguyễn đã bắt đầu tổ chức các kì thi Nho học.

- Sử học:

- + Năm 1820, Quốc sử quán được thành lập để sưu tầm, lưu trữ và biên soạn các bộ sử.
- + Nhiều tác phẩm sử học đã ra đời, như: Đại Nam nhất thống chí, Gia Định thành thông chí (Trịnh Hoài Đức), Đại Nam nhất thống toàn đồ (Quốc sử quán).

- Địa lí: Các tác phẩm tiêu biểu là: Gia Định thành thông chí (Trịnh Hoài Đức), Đại Nam nhất thống toàn đồ (Quốc sử quán).

- Văn học: Nhiều tác phẩm văn học nổi tiếng cũng xuất hiện thời kì này như: Truyện Kiều của Nguyễn Du, Lục Vân Tiên của Nguyễn Đình Chiểu, những tuyển tập thơ Nôm của Hồ Xuân Hương, Bà Huyện Thanh Quan.

- Nghệ thuật:

- + Nhiều công trình kiến trúc nổi tiếng như: Quần thể kiến trúc Cố đô Huế, các lăng tẩm, cột cờ ở Hà Nội.

+ Nhã nhạc cung đình Huế đã đạt đến đỉnh cao nghệ thuật ca diễn.

+ Nghệ thuật ca múa nhạc dân gian phát triển rực rỡ.

* Nhiều di sản văn hóa dưới thời Nguyễn đã được Tổ chức UNESCO ghi nhận là di sản văn hóa thế giới, ví dụ như: quần thể cố đô Huế; Nhã nhạc cung đình Huế...

Câu 3. Nêu quá trình thực dân Pháp xâm lược Bắc Kỳ lần thứ nhất và cuộc chiến đấu của quân dân ta.

- Cuối năm 1873, thực dân Pháp của Ph. Gác-ni-ê đưa quân ra Bắc, dùng vũ lực chiếm thành Hà Nội. Sau đó quân Pháp tỏa đi đánh chiếm các tỉnh Bắc Kỳ.

- Quân triều đình ở thành Hà Nội dưới sự chỉ huy của Tổng đốc Nguyễn Tri Phương đã anh dũng chiến đấu nhưng thất bại.

- Nhân dân Bắc Kỳ ở khắp nơi nổi dậy đấu tranh chống Pháp, tiêu biểu là:

+ Cuộc chiến đấu của các đội nghĩa binh dưới sự chỉ huy của cha con Mậu Kiến (Thái Bình), Phạm Văn Nghị (Nam Định).

+ Tháng 12/1873, quân triều đình phối hợp với quân cờ đen của Lưu Vĩnh Phúc phục kích, tiêu diệt quân Pháp tại Cầu Giấy. Tướng Ph. Gác-ni-ê của Pháp tử trận, quân Pháp hoang mang.

B. PHÂN MÔN ĐỊA LÝ

I. Nội dung ôn tập

- Bài 12. Sử dụng hợp lí tài nguyên đất.
- Bài 13. Đặc điểm của sinh vật và vấn đề bảo tồn đa dạng sinh học.
- Bài 14. Vị trí địa lí biển Đông. Các vùng biển của Việt Nam.

II. Câu hỏi tham khảo

1. Trắc nghiệm

Câu 1. Tài nguyên sinh vật nước ta đang bị suy giảm biểu hiện ở

- A. số lượng cá thể các loài động vật, thực vật tăng.
- B. số lượng cá thể và loài động vật hoang dã tăng.
- C. hệ sinh thái rừng nguyên sinh chiếm diện tích lớn nhất.
- D. một số loài động vật, thực vật có nguy cơ tuyệt chủng.

Câu 2. Nguồn tài nguyên sinh vật dưới nước, đặc biệt là nguồn hải sản bị giảm sút rõ rệt do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

- A. Ô nhiễm môi trường nước và khai thác quá mức.
- B. Khai thác quá mức và bùng phát dịch bệnh.
- C. Dịch bệnh và các hiện tượng thời tiết thất thường.
- D. Thời tiết thất thường và khai thác quá mức.

Câu 3. Nguyên nhân làm thu hẹp diện tích rừng, làm nghèo tính đa dạng và nguồn gen chủ yếu do

- A. các loại dịch bệnh.
- B. chiến tranh tàn phá.
- C. khai thác quá mức.
- D. cháy rừng, thiên tai.

Câu 4. Nguyên nhân suy giảm tài nguyên đất do tác động của

- A. sản xuất, sinh hoạt.
- B. chiến tranh, thiên tai.
- C. động đất, phân bón.
- D. hóa chất, cháy rừng.

Câu 5. Ở nước ta, số lượng cá thể các loài động thực vật hoang dã

- A. bị suy giảm nghiêm trọng.
- B. xuất hiện nhiều loài mới.
- C. chỉ có ở các vườn quốc gia.
- D. rất đa dạng và phong phú.

Câu 6. Hệ sinh thái rừng nguyên sinh nước ta hiện nay

- A. chiếm đa số.
- B. còn rất ít.
- C. phục hồi nhanh.
- D. rất đa dạng.

Câu 7. Mục tiêu ban hành “sách đỏ Việt Nam” là

- A. đảm bảo sử dụng lâu dài các nguồn tài nguyên sinh vật của đất nước.
- B. bảo vệ nguồn gen động, thực vật quý hiếm khỏi nguy cơ tuyệt chủng.
- C. lưu giữ các loài động, thực vật ở trong các viện bảo tàng thiên nhiên.
- D. kiểm kê các loài động, thực vật ở Việt Nam có số lượng loài đa dạng.

Câu 8. Biện pháp quan trọng để cải tạo đất hoang, đồi núi trọc hiện nay là

- A. phát triển thủy lợi, bón phân.
- B. tăng cường bón phân hóa học.
- C. phát triển nông - lâm kết hợp.
- D. cày sâu bừa kỹ và trồng rừng.

Câu 9. Ý nghĩa quan trọng nhất của hệ sinh thái rừng là

- A. cân bằng sinh thái.
- B. cung cấp gỗ, củi.
- C. cung cấp dược liệu.
- D. tài nguyên du lịch.

Câu 10. Ở nước ta hiện nay loại rừng nào sau đây chiếm diện tích lớn nhất?

- A. Rừng giàu với đa dạng tầng.
- B. Rừng nghèo, rừng phục hồi.
- C. Rừng trồng khai thác được.
- D. Đất trống, thảm cỏ, cây bụi.

Câu 11. Sự suy giảm sinh vật ở nước ta **không** có biểu hiện nào sau đây?

- A. Suy giảm về số lượng loài.
- B. Suy giảm thể trạng các loài.
- C. Suy giảm tài nguyên rừng.
- D. Suy giảm cá thể ở các loài.

Câu 12. Đặc điểm nào sau đây **không** đúng khi nói về hiện trạng tài nguyên rừng của nước ta hiện nay?

- A. Tổng diện tích rừng đang tăng lên.
- B. Tài nguyên rừng vẫn bị suy thoái.
- C. Diện tích rừng giàu chiếm tỉ lệ lớn.
- D. Chất lượng rừng chưa thể phục hồi.

Câu 13. Quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa lần lượt thuộc thành phố, tỉnh nào sau đây của nước ta?

- A. Đà Nẵng và Khánh Hoà.
- B. Quảng Nam và Bình Định.
- C. Đà Nẵng và Ninh Thuận.
- D. Quảng Nam và Khánh Hoà.

Câu 14. Diện tích biển Việt Nam rộng khoảng

- A. 1 triệu km².
- B. 2 triệu km².
- C. 3 triệu km².
- D. 3,4 triệu km².

Câu 15. Tài nguyên khoáng sản nào có ý nghĩa quan trọng nhất ở vùng thềm lục địa của nước ta?

- A. Vàng và đá vôi.
- B. Sa khoáng.
- C. Ti-tan và cát thủy tinh.
- D. Dầu mỏ và khí tự nhiên.

Câu 16. Loại hình du lịch thu hút nhiều nhất khách du lịch trong nước và quốc tế hiện nay ở nước ta là

- A. du lịch mạo hiểm.
- B. du lịch biển - đảo.
- C. du lịch nghỉ dưỡng.
- D. du lịch văn hóa.

Câu 17. Ở nước ta, vùng nào sau đây có diện tích đất phù sa lớn nhất?

- A. Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- B. Tây Nguyên.
- C. Đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long.
- D. Duyên hải miền Trung.

Câu 18. Đặc điểm nào sau đây đúng nhất về đất phù sa ở nước ta?

- A. Phân bố chủ yếu ở vùng núi cao.
- B. Được hình thành do phong hóa đá mẹ tại chỗ.
- C. Có độ phì cao, thích hợp trồng lúa và hoa màu.
- D. Chủ yếu có màu đỏ vàng.

Câu 19. Nhóm đất feralit ở nước ta phân bố chủ yếu ở khu vực nào?

- A. Đồng bằng châu thổ.
- B. Vùng đồi núi và cao nguyên.
- C. Ven biển và hải đảo.
- D. Thềm lục địa.

Câu 20. Nguyên nhân chủ yếu làm cho đất feralit có màu đỏ vàng là do:

- A. Tích tụ nhiều muối khoáng.
- B. Tích tụ nhiều mùn hữu cơ.
- C. Tích tụ nhiều cát và phù sa.
- D. Tích tụ nhiều ôxit sắt và nhôm.

Câu 21. Hãy xác định các nhận định sau đúng hay sai. Nếu sai hãy sửa lại cho đúng:

- a) Sinh vật Việt Nam có tính đa dạng cao do nằm trong khu vực khí hậu nhiệt đới gió mùa.
- b) Suy giảm đa dạng sinh học chỉ do nguyên nhân tự nhiên, con người không có tác động đáng kể.
- c) Bảo tồn đa dạng sinh học chỉ cần tập trung vào việc bảo vệ các loài động vật quý hiếm.
- d) Một trong những biện pháp bảo tồn là xây dựng các khu bảo tồn thiên nhiên và vườn quốc gia.

Câu 22. Hãy xác định các nhận định sau đúng hay sai. Nếu sai hãy sửa lại cho đúng:

- a) Nội thủy là vùng nước nằm phía trong đường cơ sở và có chủ quyền hoàn toàn như lãnh thổ trên đất liền.
- b) Lãnh hải của Việt Nam rộng 200 hải lí tính từ đường cơ sở.

- c) Vùng đặc quyền kinh tế cho phép Việt Nam khai thác tài nguyên nhưng không có chủ quyền hoàn toàn như nội thủy.
d) Thềm lục địa chỉ có ý nghĩa về giao thông biển, không có giá trị tài nguyên.

2. Tự luận

Câu 1. a, Trình bày đặc điểm đa dạng sinh vật ở Việt Nam.

b, Giải thích vì sao nước ta có sự đa dạng sinh vật cao.

Câu 2. Trình bày vị trí địa lí và phạm vi của Biển Đông.

Câu 3. Những nguyên nhân nào làm suy giảm đa dạng sinh học ở nước ta? Là học sinh, em hãy nêu ít nhất 2 việc làm của bản thân để góp phần bảo vệ đa dạng sinh học ở Việt Nam.